

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại UBND phường An Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND phường An Đông (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các quyết định trước đây.

Điều 3. Văn phòng UBND Phường; cán bộ, công chức Phường; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội Phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Huế;
- Phòng Nội vụ thành phố Huế;
- CT và các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thị Tường Vy

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ HIỆN ĐẠI PHƯỜNG AN ĐÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 91/QĐ-UBND, ngày 04/4/2024 của UBND Phường)

STT	Tên TTHC		Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
I.		LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (20 TTHC)			
		1. Lĩnh vực Người có công (03 thủ tục)			
1.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ		01 ngày làm việc	Bộ phận TN&TTQ quả Phường	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 - Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 3/6/2014. - Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
2.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi;		01 ngày làm việc		
3.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công				
		2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 thủ tục)			
4.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	- Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân thông báo ngay (gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại) cho nơi tiếp nhận thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại.	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của CP - Quyết định số 2227/QĐ-UBND NGÀY 09/10/2018

				- Cơ quan Lao động-TB và XH các cấp, cơ quan công an các cấp, UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trực tiếp thực hiện, áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	
5.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	
6.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		07 ngày làm việc	- Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân thông báo ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại) cho nơi tiếp nhận thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại. - Cơ quan Lao động-TB và XH các cấp, cơ quan công an các cấp, UBND cấp xã, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã,	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

				<p>ơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công trong kế hoạch thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp.</p>	
7.	<p>Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em</p>		<p>15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường</p>	<p>- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.</p>
8.	<p>Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em</p>	<p>15 ngày làm việc</p>			
9.	<p>Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế</p>	<p>25 ngày làm việc</p>			
<p>3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 thủ tục)</p>					
10.	<p>Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật</p>		<p>25 ngày làm việc</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường</p>	<p>- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2019/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT của Liên Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội. Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 27/4/2022.</p>
11.	<p>Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật</p>		<p>05 ngày làm việc</p>		

12.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		Không quy định		- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính. - Quyết định 1292/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 - Quyết định 1610/QĐ-UBND ngày 01/7/2021
13.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng		05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	
14.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.		10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020.
15.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm		07 ngày làm việc		- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày

16.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm		07 ngày làm việc		19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - TB và XH hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.
17.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.		10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 thủ tục)					
18.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình		03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của CP.
19.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng		03 ngày làm việc		- Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh
20.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng		03 ngày làm việc		- Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
II. GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (05 TTHC)					
21.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.
22.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		20 ngày làm việc		

23.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		20 ngày làm việc		- Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ
24.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		20 ngày làm việc		Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.
25.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)		Không quy định		Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 28/7/2021
III.	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (05TTHC)				
26.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Số: 320 /QĐ-UBND.(đã bãi bỏ) Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2024	05 ngày làm việc		- Nghị định <u>122/2018/NĐ-CP</u> ngày 17/9/2018.
27.	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	Số:320/QĐ-UBND Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2024	05 ngày làm việc		
28.	Thông báo tổ chức lễ hội		15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018.
29.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản		03 ngày làm việc		- Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06/01/2009.
30.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở		07 ngày làm việc		-Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007; - Thông tư số 18/2011/TT-

					BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. -Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 07/01/2023.
IV.		Y TẾ (01 TTHC)			
31.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số		10 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Luật Bình đẳng giới năm 2006; - Nghị định số 39/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 - Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế. -Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 14/02/2022
V.		NỘI VỤ (15 TTHC)			
32.	1.Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)				
33.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng		15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016; Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.
34.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		15 ngày làm việc		
35.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		20 ngày làm việc		
36.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có		Ngay sau khi UBND cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ		

	địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã				-Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 05/02/2021.
37.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		Ngay sau khi UBND cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ		
38.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		15 ngày làm việc		
39	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		15 ngày làm việc		
40.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		20 ngày làm việc		
41.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung		Ngay sau khi UBND cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ		
42.	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		Ngay sau khi UBND cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ		
	2. Lĩnh vực thi đua-khen thưởng (04TTHC)				
43.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị		10 ngày làm việc		
44.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề		10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;
45.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất		05 ngày làm việc		

46.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		10 ngày làm việc		- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của CP - Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ. - Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND Tỉnh.
VI.		TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (27 TTHC)			
	1.Lĩnh vực môi trường (04 TTHC)				
47.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường		10 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Luật Bảo vệ môi trường 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
48.	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	15 ngày	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015. - Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 10/7/2023		
49.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản		10 ngày		
50.	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết		10 ngày		
	2. Lĩnh vực đất đai (23 TTHC)				

	Mục 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường				
51.	Cung cấp dữ liệu đất đai (1.003554)		Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 - Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.
52.	Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã		45 ngày (đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KT-XH khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày).		
		Mục 2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện (21 TTHC) Hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn nộp hồ sơ tại UBND cấp xã			
53.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		20 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.. - Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 15/6/2023.
54.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		03 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

				UBND cấp xã (<i>đối với hộ gia đình, cá nhân</i>).	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND; 41/2017/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh TT Huế.
55.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		10 ngày		- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND; 41/2017/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh TT Huế.
56.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề		10 ngày		
57.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		03 ngày		
58.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá		05 ngày		

	nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu				
59.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		07 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND; 41/2017/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh TT Huế. - Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 15/6/2023.
60.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân		10 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân). 	nt
61.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu		30 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); 	nt

	nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu			- Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	
62.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		25 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	nt
63.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		25 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	nt
64.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp		15 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	nt
65.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		- 30 ngày (Đối với chủ đầu tư); - 15 ngày (Đối với người nhận chuyển nhượng)	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	nt

66.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		10 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân). 	nt
67.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở		<ul style="list-style-type: none"> - 10 (đăng ký biến động do chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn); - 03 (đăng ký biến động do cho thuê, cho thuê lại); - 05 (đăng ký biến động của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân). 	nt
68.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		10 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân). 	nt
69.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải		10 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); 	nt

	quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp			- Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	
70.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	nt
71.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	nt
72.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền		10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện,	nt

				UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	
73.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất		10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với tổ chức); - Trung tâm hành chính công cấp huyện, UBND cấp xã (đối với hộ gia đình, cá nhân).	nt
VII.		TƯ PHÁP (42 TTHC)			
	1.Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)				
74	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật		5 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
75.	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật		3 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường	- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ tư pháp. - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
	2.Lĩnh vực hòa giải cơ sở (04 TTHC)				
76.	Công nhận hòa giải viên		Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; -Nghị quyết Liên tịch số 01/2014/NQLT-BTP-UBTUMTTQVN - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018

77.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		Trong thời hạn 5 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết Liên tịch số 01/2014/NQLT-BTP-UBTUMTTQVN - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
78.	Thôi làm hòa giải viên		Trong thời hạn 10 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết Liên tịch số 01/2014/NQLT-BTP-UBTUMTTQVN - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
79.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên		Trong thời hạn 5 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết Liên tịch số 01/2014/NQLT-BTP-UBTUMTTQVN - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
	3. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (01 TTHC)				
80.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		Trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	Điều 33, 40, 41, 42, 43 Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã. - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
	4.Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)				

81	Cấp bản sao từ sổ gốc		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 226/2016/TT-BTC. - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018.
82.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp một lúc yêu cầu chứng thực từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung phức tạp, khó kiểm tra, đối chiếu thì được kéo dài thêm không quá 02 ngày. Trường hợp trả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian quy định thì phải ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; -Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015.; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016. - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
83.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; -Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015.; -Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
84.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở		Không quá 2 ngày làm việc. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; -Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015.; -Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016

85.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015.; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
86.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015.; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
87.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015.; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
88.	Thủ tục chứng thực di chúc		Không quá 2 ngày làm việc. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; -Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; -Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
89.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		Không quá 2 ngày làm việc. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; -Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015;

					-Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
90.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		Không quá 2 ngày làm việc. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; -Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; -Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
91.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		Không quá 2 ngày làm việc. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	-Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; -Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015; -Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016. - Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
5.Lĩnh vực hộ tịch (16 TTHC)					
92.	Thủ tục đăng ký khai sinh. Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ giấy tờ cá nhân . 1.000893		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường. Cơ quan phối hợp: Công an cấp huyện; UBND cấp xã.	-Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; -Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; -Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
93.	Thủ tục đăng ký kết hôn		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ.Trường hợp cần xác minh không quá 5 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

					-Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; -Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
94.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con		03 ngày làm việc. Cần xác minh không quá 8 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; -Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
95.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con		03 ngày làm việc. Cần xác minh không quá 8 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017.
96.	Thủ tục đăng ký khai tử		Trong ngày làm việc, trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cần xác minh không quá 3 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;

					- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
97.	Thủ tục đăng ký giám hộ		03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật dân sự; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
98.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ		02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật dân sự; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
99.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		03 ngày làm việc. Cần xác minh không quá 6 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật dân sự; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015;

					- Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
100.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
101.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh		05 ngày làm việc. Trường hợp có văn bản xác minh không quá 13 ngày làm việc. (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời xác minh qua hệ thống bưu điện.)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
102.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		05 ngày làm việc. Trường hợp có văn bản xác minh không quá 13 ngày làm việc. (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời xác minh qua hệ thống bưu điện.)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.

103.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn		05 ngày làm việc. Trường hợp có văn bản xác minh không quá 13 ngày làm việc. (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời xác minh qua hệ thống bưu điện.)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
104.	Thủ tục đăng ký lại khai tử		05 ngày làm việc. Trường hợp có văn bản xác minh không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
105.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch		Trong ngày làm việc. Trong ngày làm việc tiếp theo nếu nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 20/12/2022
106.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		Tối đa không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan công an, bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 2 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật cư trú năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2013); - Luật bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014; Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014;

					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư 80/2011/TT-BCA ngày 15/12/2011; - Thông tư 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 10/6/2015’ - Quyết định 20/2010/QĐ-UBND ngày 31/5/2010; - Quyết định 26/2017/QĐ- UBND ngày 05/5/2017; - Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
107.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		Tối đa không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định mà phải hoàn thiện hồ sơ, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan công an, bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 2 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); - Luật hộ tịch năm 2014; Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014; Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015; - Thông tư liên tịch

					05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 10/6/2015 -Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 01/11/2023.
6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 TTHC)					
108.	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước		Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao – nhận con nuôi: 20 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; -Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 22/12/2020
109.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011;

					- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 22/12/2020
	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI				
110	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (2.002161)				Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 08/10/2019
111	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh (2.002162)				Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 08/10/2019
112	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. (1.010091)				Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 06/9/2021
113	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội. (1.010012)				Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 06/9/2021
	QUÂN SỰ				
	. Lĩnh vực động viên quân đội (02 TTHC)				

114	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
115	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
	2. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)				
116	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ.				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
	3. Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 TTHC)				
117	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
118	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020

	4. Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (07 TTHC)				
119	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
120	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
121	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
122	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
123	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
124	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
125	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020
	5. Lĩnh vực chính sách				
126	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở				Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020

	lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc				
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG				
127	Thủ tục thực hiện kê khai tài sản, thu nhập 2.002400		Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế		QĐ 49 ngày 05/1/2023 phê duyệt quy định nội bộ giải quyết TTHC
128	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập (2.002401)				
129	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình (2.002402)				
130	Thủ tục thực hiện việc giải trình (2.002403)				
	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI				
131	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã (2.002409)		QĐ số 2915/QĐ-UBND ngày 03/12/2022 của CT UBND tỉnh về công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và địa phương trên đb tỉnh		Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh quy trình nội bộ
	TIẾP CÔNG DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN				
132	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã (1.010945)		Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế		Quyết định số 450 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
133	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã (2.002501)				

Danh mục này gồm: 133 Thủ tục hành chính./.

Phục lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA
LIÊN THÔNG TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA UBND PHƯỜNG PHƯỚC VĨNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46 /QĐ-UBND, ngày 29 tháng 01 năm 2024 của UBND phường)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
I.	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (21 TTHC)			
1.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	30 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 15 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh.	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; -Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
2.	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	20 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 05 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	-Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
3.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	20 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 05 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH;		-Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018

		10 ngày làm việc tại Sở lao động, TBXH.		
4.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	Không quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 22/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ QP. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
5.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	25 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
6.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng tử trần	25 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	
7.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng tử trần	25 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH		
8.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	20 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 05 ngày làm việc tại Phòng Lao	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị

		động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh.	định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 -Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
9.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	30 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 15 ngày làm việc tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường.	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. -Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
10.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người HĐKC được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	25 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế	- Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. -Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
11.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	25 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.		
12.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	25 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 05 ngày làm việc tại UBND cấp huyện; 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc Sở Lao động, TBXH.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, số 18 Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Huế	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của UBTVQH; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Quyết định 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-

				BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính. -Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018.
13.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	25 ngày làm việc. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 05 ngày làm việc tại UBND cấp huyện; 10 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 05 ngày làm việc Sở Lao động, TBXH.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, số 18 Nguyễn Sinh Sắc, thành phố Huế	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của UBTV QH - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Quyết định 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng CP; - Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ LĐTBXH, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính. -Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018.
14.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 10 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 20 ngày làm việc tại Sở Y tế; 20 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh.	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của UBTV Quốc hội; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Thông tư 16/2/014/TT-/BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; TTLT số

				<p>41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18/11/2013 của Bộ Y tế và Bộ LĐTBXH; số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế và Bộ LĐTBXH.</p> <p>-Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018</p>
15.	<p>Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học</p>	<p>60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 10 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 20 ngày làm việc tại Sở Y tế; 20 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường. Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 01 Lê Lai, thành phố Huế</p>	<p>- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của UBTV QH.</p> <p>- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động Thương binh và XH; Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Thông tư liên tịch số 41/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 18/11/2013 của Bộ Y tế và Bộ LĐTBXH; TTLT số 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 25/11/2014 Bộ Y tế và Bộ LĐTBXH.</p> <p>-Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018</p>

16.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 03 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 05 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 05 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
17.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc tại UBND xã; - 10 ngày làm việc tại Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội; - Không quy định tại Sở LĐTBXH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động TBXH. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
18.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - 01 ngày làm việc tại UBND cấp xã; - 03 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH Tp Huế. - Không quy định tại Sở Lao động, TBXH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 3/6/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

				- Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
19.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 05 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 07 ngày làm việc tại Phòng Lao động, TBXH; 10 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh.	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; - Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động Thương binh và XH. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
20.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia.	Không quy định.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	- Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
21.	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 10 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 15 ngày làm việc tại UBND cấp huyện; 07 ngày làm việc tại Sở Lao động, TBXH; 05 ngày làm việc tại Sở Nội vụ; 03 ngày làm việc tại UBND tỉnh.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	- Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 29 tháng 8 năm 1994; Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh

				hùng”; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ; <i>Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH</i> ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ LĐTB và Xã hội. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018.
II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (12 TTHC)				
22.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	39 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó, 22 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại UBND cấp huyện; 07 ngày làm việc tại cơ sở tiếp nhận.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. - Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ LĐTBXH. - Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 01/7/2021
23.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	39 ngày làm việc. <i>(Trong đó, 22 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 10 ngày làm việc tại UBND cấp huyện và 07 ngày làm việc tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện).</i>	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Quyết định 2930/QĐ-UBND ngày 14/12/2019 của UBND tỉnh. - Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 01/7/2021
24.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng	38 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường.	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013; Nghị định

		<i>(Trong đó, tại UBND cấp xã là 28 ngày làm việc; UBND cấp huyện 10 ngày làm việc)</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.; - Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 27/4/2022
25.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 01/7/2021
26.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	
27.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	
28.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	
29.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	
30.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	10 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế.	

				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND 24/12/2018
31.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	<p>05 ngày làm việc. <i>(Trong đó, 02 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 03 ngày làm việc tại UBND cấp huyện).</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTĐBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ LĐTB-XH và Bộ Tài chính. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND 24/12/2018.
32.	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	10 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Lao động Thương binh và XH. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND 24/12/2018.
33.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	<p>11 ngày làm việc. <i>(Trong đó, 03 ngày làm việc tại UBND cấp xã; 08 ngày làm việc tại UBND cấp huyện.)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường. - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Huế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao động Thương binh và XH. - Quyết định số 2995/QĐ-UBND 24/12/2018.

34.	LĨNH VỰC TRẺ EM			
34	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (mã số 2.000986			Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 05/5/2022

Danh mục này gồm: 34 Thủ tục hành chính./.

DANH MỤC**TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận TN&TKQ của UBND phường Phước Vĩnh***(Theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo	
1.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học (1.004441)	Cấp xã
2.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (1.004492)	Cấp xã
3.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại (1.004443)	Cấp xã
4.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (1.004485)	Cấp xã
5.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) (2.00181)	Cấp xã
	Lĩnh vực thi đua, khen thưởng	
6.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị (1.000775)	Cấp xã
7.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (2.000346)	Cấp xã
8.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất (2.000337)	Cấp xã
9.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (2.000305)	Cấp xã
	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	
10.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (2.000509)	Cấp xã
11.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (1.001028)	Cấp xã
12.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (1.001055)	Cấp xã
13.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (1.001078)	Cấp xã

14.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (1.001085)	Cấp xã
15.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (1.001090)	Cấp xã
16.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (1.001098)	Cấp xã
17.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (1.001109)	Cấp xã
18.	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (1.001156)	Cấp xã
19.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (1.001167)	Cấp xã
	Lĩnh vực Thủy lợi	
20.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) (2.001621)	Cấp xã
21.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003446)	Cấp xã
22.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440)	Cấp xã
	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai	
23.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu (2.002163).	Cấp xã
24.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh (2.002162).	Cấp xã
25.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (2.002161).	Cấp xã
26.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội (1.010092).	Cấp xã
27.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (1.010091).	Cấp xã
	Lĩnh vực Trồng trọt	

28.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (1.008004)	Cấp xã
	Lĩnh vực Môi trường	
29.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (1.004082)	Cấp Xã
	Lĩnh vực Khuyến nông	
30.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003596)	Cấp xã
	Lĩnh vực đất đai	
31.	Cung cấp dữ liệu về đất đai (1.004269)	Cấp xã
32.	Hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã (1.003554)	Cấp xã
	Lĩnh vực Phí và Lệ phí	
33.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (1.008603)	Cấp xã
	Lĩnh vực Môi trường	
34.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (1.010736)	Cấp xã
35.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (1.004082)	Cấp xã
	Lĩnh vực xử lý đơn	
36.	Thủ tục xử lý đơn cấp xã(2.002501)	Cấp xã
	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	
37.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã (2.002409)	Cấp xã
	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	
38.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã (2.002496)	Cấp xã
	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng	
39.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình (2.002402)	Cấp xã
	Quy hoạch xây dựng	

40.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.008456)	Cấp xã
	Lĩnh vực Dân tộc	
41.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (1.004875)	Cấp xã
42.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (1.004888)	Cấp xã
	Lĩnh vực Hộ tịch	
43.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (2.000635)	Cấp xã
	Lĩnh vực chứng thực	
44.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (2.000815)	Cấp xã
	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	
45.	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật (2.001457)	Cấp xã
46.	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật (2.001449)	Cấp xã
	Lĩnh vực hoà giải ở cơ sở (04 TTHC)	
47.	Thủ tục công nhận hòa giải viên (2.000373)	Cấp xã
48.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (2.000333)	Cấp xã
49.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (2.000930)	Cấp xã
	Lĩnh vực người có công	
50.	Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (2.001190)	Cấp xã
51.	Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập (1.008134)	Cấp xã
52.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công (1.010833)	Cấp xã
	Lĩnh vực Phòng chống Tệ nạn xã hội	
53.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện (1.010941)	Cấp xã
54.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (1.000132)	Cấp xã

	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
55.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (2.000355)	Cấp xã
56.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật (1.001699)	Cấp xã
57.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở (2.000751)	Cấp xã
58.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (1.011606)	Cấp xã
59.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011607)	Cấp xã
60.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011608)	Cấp xã
61.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (1.011609)	Cấp xã
62.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (1.001653)	Cấp xã
63.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng (2.000744)	Cấp xã
	Lĩnh vực trẻ em	
64.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em (1.004946)	Cấp xã
65.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (1.004946)	Cấp xã
66.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em (2.001944)	Cấp xã
67.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (2.001947)	Cấp xã
68.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em (1.004944)	Cấp xã
69.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế (2.001942)	Cấp xã
	Lĩnh vực Văn hóa – Thể thao	
70.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm (1.000954)	Cấp xã
71.		Cấp xã

	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (2.000794)	
72.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa (1.001120)	Cấp xã
73.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (1.003622)	Cấp xã
74.	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng (1.008901)	Cấp xã
75.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng (1.008902)	Cấp xã
76.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng (1.008903)	Cấp xã

Phụ lục IV

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BUU CHÍNH CÔNG ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Theo Quyết định số 1637 /QĐ-UBND ngày 10/ 7 /2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Cấp giải quyết
	Lĩnh vực tiếp công dân (03 thủ tục)	
1.	Thủ tục tiếp công dân cấp xã (1.010945)	Cấp xã
	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng (01 thủ tục)	
2.	Thủ tục thực hiện việc giải trình (2.002403)	Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

